

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ẤN CHỈ CỦA CỤC HẢI QUAN
NĂM N

Số T T	Tên ấn chỉ	Mẫu, ký hiệu	Đơn vị tính	Thực c sử dụng năm N-2	Tồn cuối nă m N-2	Nhu cầu cấp phát được duyệt (gồm cả điều chỉnh) năm N-1	Ước sử dụng năm N-1			Nhu cầu sử dụng năm N			Dự kiến tồn cuối năm N-1 (bao gồm cả số tồn tại Chi cục)	Đề nghị cấp phát từ các Chi cục và kho tại Cục năm N	Cục HQ duyệt và đề nghị cấp phát năm N
							Thực sử dụng từ đầu năm đến thời điểm lập KH (.../.../ N-1)	Ước sử dụng từ thời điểm lập KH (.../.../ N-1) đến cuối năm N-1	Ước sử dụng cả năm N-1	Sử dụng g	Dự phòn g	Tổng nhu cầu			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6=4+ 5	7	8	9=7+ 8	10=2+3 -6	11=9- 10	12

A	Ấn chỉ cấp phát														
I	Các loại sổ, biểu mẫu, chứng từ báo cáo														
1	Sổ quỹ tiền mặt	08/SKT-01	Quyết n							-		-		-	
2	Sổ chi tiết thu VPHC trong lĩnh vực thuế	16/SKT-01	Quyết n							-		-		-	
3	Sổ chi tiết thu VPHC ngoài lĩnh vực thuế	17/SKT-01	Quyết n							-		-		-	
4	Sổ kho hàng tạm giữ	20/SKT-01	Quyết n							-		-		-	
5	Sổ theo dõi loại ấn chỉ cấp phát với cấp trên	21a/SKT-01	Quyết n							-		-		-	
6	Sổ theo dõi loại ấn chỉ cấp phát (dùng cho Hải quan cửa khẩu)	21b/SKT-01	Quyết n							-		-		-	

7	Tổng hợp tình hình biên lai	22a/SKT-01	Quyết n												
8	Sổ tổng hợp tình hình biên lai cấp cửa khẩu	22b/SKT-01	Quyết n							-		-		-	
9	Sổ kho ấn chỉ	24/SKT-01	Quyết n							-		-		-	
10	Sổ thanh toán loại ấn chỉ bán thu tiền với cấp dưới (dùng cho cấp Cục)	25/SKT-01	Quyết n							-		-		-	
11	Sổ theo dõi chi phí phát hành	28/SKT-01	Quyết n							-		-		-	
12	Sổ trực lãnh đạo	STR-LD	Quyết n							-		-		-	
13	Biên bản VPHC trong lĩnh vực hải quan (2014)	BB-HC1	Bộ							-		-		-	
14	Sổ đăng ký tờ khai nhập khẩu	MD1	Quyết n		•					-		-		-	

15	Sổ đăng ký tờ khai xuất khẩu	MD2	Quyền							-			-		-	
16	Bìa hồ sơ VPHC về hải quan	KS3	Tờ							-			-		-	
17	Phiếu nhập kho	HQ31	Quyền							-			-		-	
18	Phiếu xuất kho	HQ32	Quyền							-			-		-	
19	Phiếu thu	HQ33	Quyền							-			-		-	
20	Phiếu chi	HQ34	Quyền							-			-		-	
II	Tờ khai cấp phát															
1	Tờ khai hải quan dùng cho người xuất cảnh/nhập cảnh (2015)		Tờ							-			-		-	
2	Túi đựng tờ khai hải quan dùng cho người xuất		Chiếc							-			-		-	

	cảnh/nhập cảnh (2015)														
3	Tờ khai nhập cảnh - xuất cảnh		Tờ						-		-		-		
4	Tờ khai PTVT đường bộ tạm nhập - tái xuất (2015)		Bộ						-		-		-		
5	Tờ khai PTVT đường bộ tạm xuất - tái nhập (2015)		Bộ						-		-		-		
6	Tờ khai PTVT đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất (2015)		Bộ						-		-		-		
7	Tờ khai PTVT đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập (2015)		Bộ						-		-		-		
III Tem Hải quan															
1	Tem thu lệ phí hàng hóa, PTVT quá cảnh		Chiếc						-		-		-		

2	Tem thu lệ phí làm thủ tục Hải quan		Chiếc							-			-		-	
3	Tem thuốc lá điều nhập khẩu		Chiếc							-			-		-	
4	Tem xì gà nhập khẩu		Chiếc							-			-		-	
IV	Sổ định mức, sổ định lượng ngoại giao															
1	Sổ định mức hàng miễn thuế cá nhân P16/CN kèm theo phụ lục	P16/CN	Quyển							-			-		-	
2	Sổ định lượng tem CA/...		Quyển							-			-		-	
3	Sổ định mức hàng miễn thuế cá nhân P20/CN, kèm theo phụ lục	P20/CN	Quyển							-			-		-	

4	Sổ định lượng tem BA/... cấp cho CBNG		Quyết n							-			-		-	
5	Sổ định lượng tem BA/... cấp cho TDD		Quyết n							-			-		-	
6	Sổ định lượng tem BA/... cấp cho TCBNG		Quyết n							-			-		-	
7	Sổ định mức hàng miễn thuế tập thể P40/TT, kèm theo phụ lục	P40/TT	Quyết n							-			-		-	
8	Sổ định lượng tem AA/...		Quyết n							-			-		-	
V Biên lai Hải quan																
1	Biên lai thuế xuất khẩu	01/XK (HQ/2009)	Số							-			-		-	
2	Biên lai thu thuế đối với hàng hóa nhập khẩu	02/HNK (HQ/2012)	Số							-			-		-	

3	Biên lai thu tiền	CTT11-HQ	Số							-			-		-	
4	Biên lai thu hộ lệ phí	01-LPTH (BL/2009)	Số							-			-		-	
VI	Niêm phong Hải quan															
1	Seal dây cáp đồng		Chiếc							-			-		-	
2	Seal dây nhựa dẹt		Chiếc							-			-		-	
3	Seal nhựa đốt trúc		Chiếc							-			-		-	
4	Seal cáp thép		Chiếc							-			-		-	
5	Seal container		Chiếc							-			-		-	
6	Niêm phong giấy		Chiếc							-			-		-	
7	Cuộn dây đồng		Cuộn							-			-		-	
B	Ấn chỉ bán thu tiền															
1	Tờ khai nguồn gốc xe ô tô nhập khẩu	TKXOT-01/ HQ/2009	Số							-			-		-	
2	Tờ khai nguồn gốc xe máy nhập khẩu	TKXGM-0 1/HQ/2009	Số							-			-		-	

3	Tem rượu nhập khẩu độ cồn ≥ 30 độ	TRNK	Chiếc							-			-		-	
4	Tem rượu nhập khẩu độ cồn < 30 độ	TRNK	Chiếc							-			-		-	
5	Tem miễn thuế “VIETNAM DUTY NOT PAID” (loại nhỏ)	MT-01	Chiếc							-			-		-	
6	Tem miễn thuế “VIETNAM DUTY NOT PAID” (loại lớn)	MT-02	Chiếc							-			-		-	
										-			-		-	

Lưu ý:

- Các đơn vị không được thêm/xóa dòng, cột; thay đổi công thức, tên sheet để phục vụ công tác tổng hợp báo cáo; chỉ thay đổi khi có thông báo của Tổng cục Hải quan khi có yêu cầu.
- Tất cả các chỉ tiêu thực sử dụng, ước sử dụng, dự phòng, tồn cuối năm, đề nghị cập phát trong toàn Cục bao gồm cả kho tại Cục và tại các Chi cục.
- Cột 4 “Thực sử dụng từ đầu năm đến thời điểm lập KH” là 31/3/N-1

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Lãnh đạo Phòng/Bộ phận
(Ký, họ tên)

....., ngày.....tháng..... năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)